

Số: /SNN-TTBVTV&TL
V/v hướng dẫn kế hoạch gieo
trồng vụ Đông Xuân 2023-2024

Đồng Nai, ngày tháng 11 năm 2023

Kính gửi:

- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa;
- Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi;
- Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh;
- Chi cục trưởng các Chi cục: Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi; Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản;
- Thanh tra Sở.

Thực hiện Văn bản số 8091/TB-BNN-VP ngày 09/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo kết luận của Thứ trưởng Hoàng Trung tại Hội nghị sơ kết sản xuất trồng trọt vụ Hè Thu, Mùa năm 2023; triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2023 - 2024 vùng Đông Nam bộ, Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ.

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất của các địa phương và dự báo thời tiết vụ Đông Xuân 2023-2024;

Trên quan điểm đảm bảo sản xuất bền vững và an toàn, hiệu quả sản xuất phải gia tăng, phù hợp với nguồn nước, tránh thiệt hại cuối vụ do hạn hán, xâm nhập mặn; Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn kế hoạch gieo trồng vụ Đông Xuân 2023-2024 như sau:

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2023-2024

Tổng diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân 2023-2024 trên địa bàn tỉnh là 37.836,6 ha (*Phụ lục đính kèm*), trong đó:

- Nhóm cây lương thực: diện tích gieo trồng 23.792 ha, trong đó diện tích lúa 14.572 ha, bắp 9.220 ha.
- Nhóm cây có bột, củ: diện tích gieo trồng 3.371 ha.
- Nhóm cây thực phẩm: diện tích gieo trồng 6.826,5 ha, trong đó rau các loại 5.342 ha, đậu các loại 1.484,5 ha.
- Nhóm cây công nghiệp hàng năm: diện tích gieo trồng 685,1 ha.
- Cây hàng năm khác 3.162 ha.

II. BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Đối với các địa phương

Đề nghị Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chỉ đạo phòng Nông nghiệp - PTNT/Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp và các đơn vị liên quan, UBND

phường, xã, thị trấn hướng dẫn nông dân thu hoạch cây trồng vụ Mùa, tổ chức tốt dịch vụ phơi sấy, sơ chế, bảo quản nông sản sau thu hoạch; hướng dẫn người dân trong việc sản xuất, thu hoạch nông sản đạt tiêu chuẩn GAP, an toàn thực phẩm, chất lượng tốt để cung cấp cho người tiêu dùng cũng như xuất khẩu sang các nước khác. Phối hợp với các đơn vị thuộc ngành nông nghiệp chủ động triển khai thực hiện tuyên truyền, xây dựng các mô hình thâm canh, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, phòng chống sinh vật gây hại để nông dân gieo trồng vụ Đông Xuân 2023-2024 đạt kết quả. Cụ thể:

a) Thời vụ

Căn cứ vào thực tế sản xuất vụ Mùa 2023, tình hình hạn mặn cuối vụ ở các khu vực đặc thù và nguồn nước tưới để bố trí thời vụ xuống giống vụ Đông Xuân 2023-2024.

Thực hiện việc xuống giống lúa đồng loạt, tập trung theo từng cánh đồng. Với vụ Đông Xuân sớm, xuống giống trong đầu tháng 12/2023; còn lại gieo sạ vào cuối tháng 12/2023 và tháng 01/2023, kết thúc trước 20/01/2023. Theo dõi chặt chẽ tình hình rầy nâu di trú, thông báo tình hình sinh vật gây hại hàng tuần của Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi và căn cứ khả năng nước tưới của từng công trình thủy lợi, chủ động hướng dẫn gieo trồng đúng thời vụ theo hướng tập trung dứt điểm theo từng khu vực, cánh đồng, tránh nhiều trà lúa khác nhau làm ảnh hưởng đến công tác phòng chống sinh vật gây hại, đặc biệt là rầy nâu, bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá.

Nhu cầu nước ngọt suốt vụ cho lúa tối thiểu 5.000 – 6.000 m³, do đó chỉ bố trí sản xuất lúa Đông Xuân 2023 – 2024 ở những vùng còn đủ 3 tháng cung cấp nước ngọt (tối thiểu đủ 2,5 tháng cung cấp nước ngọt cho đến lúc lúa vào giai đoạn ngâm sữa); phải có đủ nước ngọt cung cấp cho lúa vào giai đoạn cuối, tối thiểu 1.000 m³ nước ngọt/ha từ giai đoạn trổ đến chín.

b) Cơ cấu giống

Tùy theo chân đất duy trì, tuyển chọn các giống có năng suất, chất lượng, giá bán cao phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương. Tập trung phát triển các giống lúa gạo trắng, hạt dài, các giống lúa thơm có khả năng cạnh tranh, có năng suất cao, chất lượng tốt và ít nhiễm rầy nâu, bệnh đạo ôn và ít bị roi rụng trong quá trình thu hoạch. Sử dụng các giống bắp có tính kháng các loại sâu ăn lá ở những vùng thường bị sâu ăn lá gây hại nặng.

- Giống lúa: sử dụng những giống lúa chất lượng cao phù hợp với yêu cầu của thị trường, tăng tỷ lệ sử dụng giống lúa thơm có thời gian sinh trưởng từ 90 ngày đến 105 ngày. Đẩy mạnh sử dụng các giống xác nhận, giống ngắn ngày có năng suất, chất lượng, cứng cây, ít đổ ngã, chống chịu sâu bệnh và khô hạn tốt. Chú ý sử dụng các giống lúa chịu được mặn, hạn, phèn tại những vùng có nguy cơ xâm nhập mặn và hạn cuối vụ.

+ Nhóm giống chủ lực khả năng thích ứng rộng, diện tích ổn định, khả năng tiêu thụ nội địa và xuất khẩu tốt: OM 6976, OM 4900, OM 6162, OM 5451, ML 48, Đài Thơm 8,...

+ Nhóm giống bổ sung: TH 41, ML 202, Jasmine 85, IR 64, OM 7347,...

+ Nhóm giống chịu được độ mặn ở mức trung bình – khá (2 – 3 ‰): OM 6976, OM 5451, OM 9921, OM 6677, AS 996,...

- Giống bắp: NK 67, NK 67 Bt, NK 66 Bt, NK 7328, DK 6919, G 49, NK 46, DK 414, NK 72, DK 8868, DK 8868 Bt, NK 7328 Bt, DK 6818, DK 9901, CP 501S, DEKAB 919, VN 25-99; không trồng các giống dài ngày nếu không có khả năng chủ động nguồn nước tưới; lưu ý sử dụng giống biến đổi gene đối với những khu vực đã từng nhiễm sâu keo mùa thu nặng.

- Cây đậu xanh: G 87-13, V 91-15, HL 89-E3, V 94-208, HL 115.

- Cây đậu nành: MTĐ 176, Nam Vang tuyên, HL 92, G 87-1, G 87-5, HL 203, HL 07-15, HLDN 29.

- Cây mì: KM 60, KM 101, KM 140, KM 98-5, KM 98-1, HN 3, HN 5 tránh dùng hom giống trên các ruộng vụ trước bị bệnh khảm lá để trồng.

+ Không trồng các giống mì bị bệnh khảm lá virus nặng (HL-S11, KM 419), trong đó nghiêm cấm mua bán, trồng giống mì HL-S11; sử dụng các giống kháng bệnh khảm lá như HN 1, HN 3, HN 5 thay thế các giống nhiễm bệnh.

+ Những vùng bị bệnh khảm lá virus nặng nên chuyển đổi cây trồng khác (không trồng lại với cây kí chủ của bộ phận trắng: thuốc lá, cà chua, cà tím, bầu bí, ớt, chanh dây...) hoặc không trồng cây mì ít nhất 01 vụ.

+ Khi thu hoạch tận thu năng suất cần tiêu hủy thân lá. Tuyệt đối không sử dụng hom giống từ ruộng nhiễm bệnh này, nghiêm cấm hành vi mua bán hom giống từ ruộng nhiễm bệnh.

- Cây mía: LK 92-11; K 2000-89; K 95-84; K99-72; Khonkean 3; K 94-2-483; K 95-156; Suphanburi 7,...

c) Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 143/2018/NQ-HĐN ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Đồng Nai về quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Đồng Nai; triển khai thực hiện kế hoạch nhân rộng các mô hình có hiệu quả trên địa bàn đúng tiến độ. Đối với các địa phương đăng ký kế hoạch tham gia xây dựng chuỗi liên kết tiêu thụ nông sản, phối hợp với các đơn vị, cơ quan liên quan tổ chức triển khai tuyên truyền từ đầu vụ về quy trình sản xuất, phòng trừ sâu bệnh, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ghi chép sổ tay theo đúng quy định;

d) Công tác phòng chống sinh vật gây hại cây trồng

- Thường xuyên tổ chức thăm đồng, phát hiện sớm các đối tượng sinh vật gây hại cây trồng để có biện pháp phòng chống hiệu quả, tránh lây lan gây hại trên diện rộng và ảnh hưởng tới năng suất cây trồng.

- Chú ý các đối tượng sinh vật gây hại mới nổi như sâu keo mùa thu, khảm lá mì và đối tượng chưa xuất hiện đang theo dõi như châu chấu sa mạc.

- Chú ý các đối tượng gây hại:

+ Trên lúa như rầy phấn trắng xuất hiện và gây hại chủ yếu ở giai đoạn lúa đẻ nhánh, gia tăng mật số ở giai đoạn làm đòng hoặc trổ; sâu năn, rầy nâu, bệnh VL-LXL, bệnh bạc lá, đạo ôn cổ bông hại lúa. Phòng chống bằng các biện pháp như sử

dụng giống lúa ít nhiễm, sạ hàng với lượng giống 100-120 kg/ha, bón phân cân đối, sử dụng thuốc sinh học và hóa học chọn lọc, áp dụng IPHM;

+ Cây trồng khác: sâu keo mùa thu hại bắp, khảm lá mì.

đ) Chế độ báo cáo

- Thực hiện quy chế phối hợp và chế độ thông tin báo cáo, định kỳ hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, vụ, năm báo cáo tiến độ gieo trồng, sản xuất trồng trọt; công tác phòng chống sinh vật hại thực vật; báo cáo thực hiện thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

e) Thủy lợi và phòng chống thiên tai

- Chủ động kiểm tra các công trình thủy lợi, lập kế hoạch sửa chữa các sửa chữa các hạng mục bị hư hỏng sau lũ; nạo vét thượng hạ, lưu các đập dâng, các cửa lấy nước và hệ thống kênh mương để đảm bảo phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2023-2024. Thường xuyên tổ chức thăm đồng nhằm đánh giá hiệu quả phục vụ sản xuất của các công trình thủy lợi. Nghiên cứu mở rộng hệ thống kênh mương để mở rộng khu tưới của công trình thủy lợi, nhằm phát huy tối đa khả năng phục vụ của công trình.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình thời tiết, nguồn nước tại các sông, suối, công trình thủy lợi trên địa bàn, sử dụng nước tiết kiệm, tránh lãng phí, thất thoát nguồn nước; đơn vị quản lý theo dõi chặt chẽ, bám sát công trình, điều tiết hợp lý nguồn nước để đảm bảo phục vụ sản xuất trong mùa khô năm 2023 - 2024.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước tiết kiệm, ứng dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; tận dụng tối đa nguồn nước tự nhiên từ ao, hồ, sông, suối, giếng khoan, giếng đào,... để phục vụ sản xuất và sinh hoạt trong mùa khô.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát, điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với nguồn nước trên địa bàn; các địa phương, đơn vị phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều tiết hài hòa nguồn nước phục vụ sản xuất từ đầu nguồn đến cuối nguồn ngay từ đầu vụ sản xuất.

- Đối với các địa phương thường xuyên xảy ra thiếu nước phục vụ sản xuất trong mùa khô, cần rà soát, xác định các khu vực trọng điểm để chủ động phương án ứng phó phù hợp. Chủ động bố trí kinh phí của địa phương để thực hiện công tác phòng, chống thiếu nước, xâm nhập mặn trong mùa khô năm 2023 - 2024. Đối với các địa phương như: Long Thành, Nhơn Trạch, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình thời tiết, mực nước sông địa bàn để chủ động ứng phó tại các khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng xâm nhập mặn.

- Chủ động phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi, các đơn vị xây dựng kế hoạch sản xuất tại các công trình; lập kế hoạch sử dụng vật tư, máy móc, trang thiết bị, nhiên liệu tại các khu vực có nguy cơ thiếu nước để sẵn sàng triển khai khi có tình huống xấu. Đối với Hệ thống thủy lợi Ông Kèo, quản lý chặt chẽ công tác vận hành các cống ngăn mặn, đồng thời chủ động lấy nước để đảm bảo cung cấp nước phục vụ sản xuất và giao thông thủy,

vận chuyển nông sản của người dân.

g) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các chương trình, đề án, dự án như: Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030; Đề án “Phát triển nông nghiệp đô thị vùng Tây Nam tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Chương trình hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP) trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Chương trình thẩm định, xếp loại các cơ sở sản xuất thực phẩm có nguồn gốc ban đầu thực vật theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT; Chương trình tuyên truyền Quản lý và sử dụng thuốc BVTV an toàn, hiệu quả qua cờ phướn; Chương trình kiểm tra, giám sát các vùng trồng, cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch hành động thúc đẩy ứng dụng quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) trên cây trồng chủ lực tại tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 – 2030; Dự án “Điều tra, đánh giá chất lượng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để có biện pháp cải tạo, sử dụng bền vững”; Đề án “Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”;

2. Đề nghị Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi

- Tăng cường kiểm tra hồ đập, có kế hoạch xả lũ khi cần thiết đảm bảo an toàn cho công trình thủy lợi trong mùa mưa lũ và dự trữ đủ nước theo thiết kế để chống hạn cuối vụ Mùa và phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân; phối hợp với các địa phương xây dựng kế hoạch tưới, tiêu cụ thể để phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trong vụ Đông Xuân 2023 - 2024.

- Phối hợp chặt chẽ với địa phương thuộc các huyện Tân Phú, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch rà soát nguồn nước phục vụ sản xuất, chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó tình hình thiếu nước, xâm nhập mặn có thể xảy ra tại khu tưới của một số công trình do đơn vị quản lý như: Đập Năm Sao, đập Đồng Hiệp, đập Lang Minh, hệ thống thủy lợi Ông Kèo,...

3. Đối với các đơn vị trực thuộc Sở

Giám đốc, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tăng cường phối hợp với các ngành, đoàn thể và địa phương hướng dẫn, tổ chức sản xuất vụ Đông Xuân 2023 – 2024 đạt cả về chỉ tiêu kế hoạch và năng suất. Cụ thể:

a) Giao Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi

- Triển khai hướng dẫn các biện pháp chăm sóc cây trồng phòng chống sinh vật hại và dự tính dự báo sinh vật hại trong vụ Đông Xuân 2023-2024.

- Hướng dẫn địa phương thực hiện đúng theo kỹ thuật canh tác cho từng loại cây trồng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên các diện tích trồng lúa có thể chuyển đổi được để tăng hiệu quả sản xuất.

- Phối hợp Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh, các địa phương thực hiện tuyên truyền các khuyến cáo về kỹ thuật canh tác nhằm giảm giá thành sản xuất như: đối với cây lúa áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), áp dụng triệt để “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”; tập

trung vào các biện pháp gieo sạ thưa 100 -120 kg/ha (ưu tiên sạ hàng), bón phân cân đối, giúp cây lúa khỏe ngay từ đầu vụ chống chịu tốt với các đối tượng sâu bệnh và ảnh hưởng từ môi trường, sử dụng giống lúa xác nhận, giảm lượng phân bón và bón phân hợp lý, chỉ tiến hành phòng trừ dịch hại khi đến ngưỡng gây hại; đối với cây ăn trái đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kỹ thuật như tỉa cành, tạo tán, sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm. Sử dụng giống sạch bệnh, truy suất rõ nguồn gốc giống có chứng nhận để nâng cao hiệu quả sản xuất; đối với cây công nghiệp tăng cường đầu tư, áp dụng các kỹ thuật canh tác tiên tiến vào sản xuất; tích cực trữ nước, sử dụng tốt mọi nguồn nước có được (đào ao trữ nước, làm đập dâng, đập tạm giữ nước,...) và chuẩn bị các giải pháp phòng chống hạn trong mùa khô.

- Khuyến khích sản xuất và sử dụng phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, phân bón sinh học nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón, giảm lượng phân bón hóa học.

- Tăng cường công tác dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các đối tượng cây công trồng. Thông tin dự tính dự báo, dự tính cần được cập nhật thường xuyên và có hướng dẫn kịp thời tới người sản xuất.

- Hướng dẫn việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên một số cây trồng có tiềm năng xuất khẩu, phối hợp với các đơn vị, địa phương triển khai công tác quản lý nhà nước về sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật theo thẩm quyền.

- Tăng cường công tác công nhận cây đầu dòng, vườn đầu dòng gắn với quản lý tốt chất lượng cây giống phục vụ cho tái canh.

- Phối hợp các địa phương trong công tác dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên cây trồng kịp thời, chính xác, cập nhật thường xuyên; thông tin kịp thời diễn biến tình hình thời tiết đến địa phương để chỉ đạo sản xuất được thuận lợi, kịp thời, hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản lý sản xuất, kinh doanh và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, giống cây trồng tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân sản xuất.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cấp mã số vùng trồng, các biện pháp kỹ thuật đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, sản xuất chứng nhận cho sản xuất lúa, rau, quả, cây công nghiệp đáp ứng tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

- Phối hợp chặt chẽ với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh theo dõi diễn biến tình hình thời tiết, nguồn nước tại các sông, suối và công trình thủy lợi, thông tin kịp thời đến địa phương để chỉ đạo sản xuất được thuận lợi, kịp thời, hiệu quả.

- Phối hợp với các địa phương và đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh sau mùa mưa lũ năm 2023, qua đó tham mưu, đề xuất Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện các biện pháp duy tu, sửa chữa để đảm bảo an toàn công trình phục vụ sản xuất.

- Thực hiện nhiệm vụ Văn phòng thường trực Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo yêu cầu của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

- Tuyên truyền và chuyển giao các quy trình kỹ thuật, ứng dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho các loại cây trồng.

b) Giao Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản

- Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ và Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản, xây dựng chuỗi giá trị chế biến đến tiêu thụ. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch để nâng cao giá trị, dinh dưỡng, đa dạng hóa các mặt hàng lương thực, thực phẩm phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và xuất khẩu.

- Phối hợp các địa phương theo dõi đánh giá các chuỗi liên kết đã được UBND tỉnh phê duyệt đang triển khai trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ các chủ dự án giải quyết khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Tổ chức kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân để xúc tiến liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực nhất là đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn, đáp ứng yêu cầu phát triển nền nông nghiệp hiện đại; đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, công nhân nông nghiệp đủ năng lực tiếp thu, vận hành, chuyển giao công nghệ mới.

- Vận dụng các chính sách chính sách đã ban hành hỗ trợ phát triển những cánh đồng cơ giới hóa đồng bộ liên kết với tiêu thụ và phát triển trên diện rộng các mô hình tự động hóa trong sản xuất lúa.

- Phối hợp Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh hướng dẫn chuyển giao cho nông dân áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất, thúc đẩy chế biến sâu, đa dạng các loại gạo và sản phẩm chế biến từ gạo; khai thác tối đa các phụ phẩm sau thu hoạch để nâng cao giá trị gia tăng.

c) Giao Thanh tra Sở

Tiếp tục thanh tra, kiểm tra sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp. Kiên quyết xử lý theo các quy định pháp luật đối với các hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân. Nghiên cứu đề xuất hình thức kiểm tra, thanh tra ứng dụng công nghệ nhằm giảm thời gian, nhân lực tham gia trực tiếp.

d) Giao Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh

Chủ trì phối hợp các đơn vị, địa phương thực hiện tuyên truyền các khuyến cáo về kỹ thuật canh tác nhằm giảm giá thành sản xuất như áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), áp dụng triệt để “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”; tập trung vào các biện pháp gieo sạ thưa 100 -120 kg/ha (ưu tiên sạ hàng), bón phân cân đối, giúp cây lúa khỏe ngay từ đầu vụ chống chịu tốt với các đối tượng sâu bệnh.

- Triển khai, nhân rộng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật áp dụng vào lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, các kết quả nghiên cứu khoa học, quy trình sản xuất an toàn phục vụ nhu cầu sản xuất. tư vấn xây dựng các dự án liên kết thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Tuyên truyền hướng dẫn nông dân thực hiện đúng quy trình kỹ thuật canh tác cho từng loại cây trồng, chuyên đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa để tăng hiệu quả sản xuất; hướng dẫn nông dân kỹ thuật trồng xen canh, gôỉ vụ để tranh thủ thời gian, tránh hạn cuối vụ. Những diện tích không chủ động tưới cuối vụ thì vận động nông dân gieo trồng cây trồng ngắn ngày như rau đậu các loại...

- Phối hợp với Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện các mô hình, dự án khuyến nông trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực trồng trọt.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các đơn vị, địa phương phối hợp chặt chẽ với ngành nông nghiệp hướng dẫn nông dân hoàn thành kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2023 - 2024./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Trồng trọt;
- TT.Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Cục Thống kê;
- Ủy ban MTTQ;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Báo, Đài PTTH ĐN;
- Phòng KT/NN& PTNT huyện, thành phố;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- Phòng: KH-TC;
- Lưu: VT, TTBVTV&TL (Vinh).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Lâm Sinh

Phụ lục II
KẾ HOẠCH GIEO TRỒNG VỤ ĐÔNG XUÂN 2023 - 2024
(Kèm theo Văn bản số /SNN-TTBVTV&TL ngày /11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Diễn giải	Đvt	TOÀN TỈNH	Phân theo huyện										
			Biên Hòa	Long khánh	Tân Phú	Vĩnh Cửu	Định Quán	Trảng Bom	Thống Nhất	Cẩm Mỹ	Long Thành	Xuân Lộc	Nhon Trạch
Tổng		37.836,6	215,0	1.107,5	9.762,0	1.975,0	4.128,1	842,0	1.260,0	5.042,0	1.875,0	9.671,0	1.959,0
Cây lương thực		23.792,0	75,0	812,0	8.247,0	1.566,0	1.966,0	395,0	500,0	3.098,0	1.689,0	3.666,0	1.778,0
1- Lúa													
Diện tích	ha	14.572,0	75,0	645,0	7.164,0	1.501,0	755,0	150,0		499,0	1.627,0	378,0	1.778,0
Năng suất	tạ	69,3	50,8	67,4	72,0	65,1	77,6	72,0		73,8	65,0	58,5	65,0
Sản lượng	tấn	101.036,0	381,0	4.346,0	51.580,0	9.765,0	5.859,0	1.080,0		3.682,0	10.575,0	2.211,0	11.557,0
2- Bắp													
Diện tích	ha	9.220,0		167,0	1.083,0	65,0	1.211,0	245,0	500,0	2.599,0	62,0	3.288,0	
Năng suất	tạ	81,8		78,6	81,9	64,9	81,7	79,0	80,3	85,5	85,0	79,8	
Sản lượng	tấn	75.439,0		1.312,0	8.872,0	422,0	9.896,0	1.935,0	4.016,0	22.221,0	527,0	26.238,0	
Cây có bột, củ		3.371,0			40,0	20,0	643,0	101,0			16,0	2.551,0	
1- Mì													
Diện tích	ha	3.315,0				20,0	643,0	101,0				2.551,0	
Năng suất	tạ	279,1				190,0	266,8	200,0				286,0	
Sản lượng	tấn	92.512,0				380,0	17.154,0	2.020,0				72.958,0	
2- Lang													
Diện tích	ha	16,0									16,0		
Năng suất	tạ	75,0									75,0		
Sản lượng	tấn	120,0									120,0		
3- Cây bột khác													
Diện tích	ha	40,0			40,0								
Năng suất	tạ	125,8			125,8								
Sản lượng	tấn	503,0			503,0								
Cây thực phẩm		6.826,5	103,0	190,5	966,0	294,0	705,0	301,0	603,0	1.240,0	150,0	2.145,0	129,0
1- Rau các loại													
Diện tích	ha	5.342,0	103,0	155,0	659,0	150,0	650,0	270,0	564,0	837,0	138,0	1.687,0	129,0

Năng suất	tạ	<u>175,9</u>	206,5	172,8	177,6	180,0	144,6	170,0	165,0	155,1	150,0	205,0	140,0
Sản lượng	tấn	<u>93.945,0</u>	2.127,0	2.678,0	11.706,0	2.700,0	9.399,0	4.590,0	9.305,0	12.981,0	2.070,0	34.583,0	1.806,0
2- Đậu các loại :													
Diện tích	ha	<u>1.484,5</u>		35,5	307,0	144,0	55,0	31,0	39,0	403,0	12,0	458,0	
Năng suất	tạ	<u>16,2</u>		16,6	14,0	13,1	13,8	130,0	13,1	13,2	12,5	14,2	
Sản lượng	tấn	<u>2.402,0</u>		59,0	429,0	188,0	76,0	403,0	51,0	531,0	15,0	650,0	
Cây CN hàng năm		<u>685,1</u>			<u>89,0</u>		<u>171,1</u>	<u>25,0</u>	<u>47,0</u>	<u>178,0</u>	<u>6,0</u>	<u>169,0</u>	
1- Đậu nành													
Diện tích	ha	<u>122,1</u>					7,1			48,0		67,0	
Năng suất	tạ	<u>15,6</u>					16,8			17,1		14,5	
Sản lượng	tấn	<u>190,9</u>					11,9			82,0		97,0	
2- Đậu phộng (Lạc)													
Diện tích	ha	<u>412,0</u>			89,0		50,0	3,0	47,0	130,0	6,0	87,0	
Năng suất	tạ	<u>18,8</u>			24,6		12,0	20,0	24,9	18,4	15,0	14,5	
Sản lượng	tấn	<u>776,0</u>			219,0		60,0	6,0	117,0	239,0	9,0	126,0	
3- Mè													
Diện tích	ha	<u>15,0</u>										15,0	
Năng suất	tạ	<u>11,0</u>										11,0	
Sản lượng	tấn	<u>16,5</u>										16,5	
4- Mía													
Diện tích	ha	<u>136,0</u>					114,0	22,0					
Năng suất	tạ	<u>576,9</u>					582,1	550,0					
Sản lượng	tấn	<u>7.846,0</u>					6.636,0	1.210,0					
Cây hàng năm khác	ha	<u>3.162,0</u>	<u>37,0</u>	<u>105,0</u>	<u>420,0</u>	<u>95,0</u>	<u>643,0</u>	<u>20,0</u>	<u>110,0</u>	<u>526,0</u>	<u>14,0</u>	<u>1.140,0</u>	<u>52,0</u>